

Số:

Kon Tum, ngày tháng năm

BÁO CÁO
Thẩm định dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh

Sở Tư pháp nhận được bản giấy Công văn số 5316/STC-QLGCS ngày 16 tháng 12 năm 2024 của Sở Tài chính đề nghị thẩm định dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành: *"Quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện mua sắm tài sản, trang thiết bị và quy định phân cấp thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và kinh phí thực hiện cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng của cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kon Tum"* (sau đây gọi tắt là dự thảo Nghị quyết). Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị quyết và các văn bản pháp luật có liên quan, căn cứ Điều 121 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật⁽¹⁾, Điều 52 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sau đây gọi tắt là Nghị định số 34/2016/NĐ-CP), Sở Tư pháp báo cáo thẩm định như sau:

1. Sự cần thiết ban hành

- Điểm b khoản 2 Điều 5 Nghị định số 138/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm tài sản, trang thiết bị; cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng quy định "b) Đối với nhiệm vụ mua sắm tài sản, trang thiết bị phục vụ hoạt động của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương: Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện mua sắm tài sản, trang thiết bị đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn tại địa phương";

- Điểm b khoản 2 Điều 5 Nghị định số 138/2024/NĐ-CP quy định: "b) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc quy định phân cấp thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và kinh phí thực hiện cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng của cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương".

Căn cứ các quy định nêu trên, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét ban hành Nghị quyết quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm

⁽¹⁾ Đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 36 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

vụ và dự toán kinh phí thực hiện mua sắm tài sản, trang thiết bị; quy định phân cấp thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và kinh phí thực hiện cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng của cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kon Tum là cần thiết, phù hợp với quy định của pháp luật và ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tại Thông báo số 80/TB-TTHĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024.

2. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

2.1. Phạm vi điều chỉnh

Sở Tư pháp nhận thấy phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị quyết chưa phù hợp với quy định tại Điều 1 Nghị định số 138/2024/NĐ-CP. Cụ thể, theo dự kiến tại khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị quyết, cơ quan chủ trì soạn thảo dự kiến tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện mua sắm tài sản, trang thiết bị và quy định phân cấp thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và kinh phí thực hiện cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng của cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

Với quy định được dự kiến, có thể hiểu nguồn kinh phí thực hiện mua sắm tài sản, trang thiết bị; kinh phí thực hiện cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng được sử dụng từ nguồn chi thường xuyên và nguồn vốn ngân sách nhà nước chi cho đầu tư công. Tuy nhiên, khoản 1 Điều 1 Nghị định số 138/2024/NĐ-CP quy định việc lập dự toán, phân bổ dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí **chỉ thường xuyên** ngân sách nhà nước để mua sắm tài sản, trang thiết bị theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng, pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

Ngoài ra, Sở Tư pháp cũng nhận thấy, khoản 2, khoản 3 Điều 1 Nghị định số 138/2024/NĐ-CP loại trừ một số trường hợp (*mặc dù có thể sử dụng kinh phí chi thường xuyên để thực hiện*) không áp dụng quy định tại Nghị định số 138/2024/NĐ-CP để thực hiện.

Từ những vấn đề nêu trên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, chỉnh lý phạm vi điều chỉnh được dự kiến tại khoản 1 Điều 1 của dự thảo Nghị quyết để đảm bảo phù hợp với quy định tại Điều 1 Nghị định số 138/2024/NĐ-CP⁽²⁾. Khi chỉnh lý phạm vi điều chỉnh, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu chỉnh lý tên gọi dự thảo Nghị quyết để đảm bảo tính thống nhất giữa tên gọi và phạm vi điều chỉnh.

2.2. Đối tượng áp dụng

Về cơ bản, Sở Tư pháp nhận thấy đối tượng áp dụng của dự thảo Nghị quyết đã bao quát, đầy đủ, phù hợp với quy định của pháp luật. Tuy nhiên, đề

⁽²⁾ Trong đó cần xác định rõ nguồn kinh phí; xác định những trường hợp không áp dụng Nghị quyết để thực hiện.

nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét, loại bỏ đối tượng áp dụng cụ thể là Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Lý do: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Kon Tum; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh là tổ chức chính trị-xã hội. Khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị quyết quy định đối tượng áp dụng là: "*tổ chức chính trị và các tổ chức trị-xã hội*" đã bao hàm đối tượng áp dụng là Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Trường hợp cơ quan chủ trì soạn thảo tham mưu quy định cụ thể tên một số cơ quan, đơn vị, đề nghị ghi chính xác tên gọi của cơ quan, đơn vị và phù hợp với phạm vi tác động (*hiệu lực về không gian*) của Nghị quyết.

Bên cạnh đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tham mưu quy định về tên gọi chung của các cơ quan, đơn vị được dự kiến tại khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị quyết để đảm bảo thống nhất với cách gọi các cơ quan, đơn vị được dự kiến tại khoản 1 Điều 2, khoản 1 Điều 3.

3. Sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo Nghị quyết với hệ thống pháp luật; sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với văn bản đã giao cho Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chi tiết

Sở Tư pháp nhận thấy, về cơ bản, dự thảo Nghị quyết không đặt ra các quy định trái với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp và cơ bản thống nhất với các văn bản đã được Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành. Tuy nhiên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét lại nội dung sau:

3.1. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét lại phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của dự thảo Nghị quyết với lý do đã được trình bày tại mục 2 của Báo cáo này.

3.2. Đề nghị xem xét, biên tập lại quy định tại khoản 3 Điều 2 dự thảo Nghị quyết để phân biệt rõ hơn giữa đối tượng được quy định tại khoản này với đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 2. Theo quan điểm của Sở Tư pháp, có thể biên tập lại khoản 3 Điều 2 dự thảo theo hướng sau⁽³⁾: "*Người đứng đầu đơn vị sử dụng ngân sách thuộc, trực thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị được quy định tại khoản 1 Điều này; cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng ngân sách thuộc, trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định...*".

3.3. Với các quy định tại Điều 2 dự thảo Nghị quyết, các cơ quan, tổ chức cấp xã không có thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí chi thường xuyên thực hiện mua sắm tài sản, trang thiết bị. Việc không quy định cơ quan, tổ chức cấp xã có thẩm quyền này là chưa phù hợp với phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng được dự kiến tại Điều 1 dự thảo Nghị quyết. Vì vậy, đề nghị xem xét, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí chi thường

⁽³⁾ Lưu ý, nội dung được Sở Tư pháp biên tập lại chỉ mang tính chất tham khảo

xuyên thực hiện mua sắm tài sản, trang thiết bị đối với cơ quan, tổ chức cấp xã. Trường hợp không quy định thẩm quyền này đối với cơ quan, tổ chức cấp xã, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu chỉnh lý phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng để đảm bảo tính thống nhất giữa nội dung dự thảo Nghị quyết với phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng được dự kiến. Tương tự, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét lại việc không quy định phân cấp thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và kinh phí thực hiện cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng của cơ quan, tổ chức cấp xã tại Điều 3 dự thảo Nghị quyết.

3.4. Điểm b khoản 2 Điều 5 Nghị định số 138/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt **nhiệm vụ** và dự toán kinh phí thực hiện mua sắm tài sản, trang thiết bị. Vì vậy, theo quan điểm của Sở Tư pháp, quy định tại Điều 2 của dự thảo phải là "*...triệu đồng/01 nhiệm vụ*" mà không phải phải là "*...triệu đồng/01 đơn vị tài sản*"⁽⁴⁾. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét lại thẩm quyền định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện mua sắm tài sản, trang thiết bị được xác định theo đơn vị tài sản tại Điều 2 dự thảo Nghị quyết.

3.5. Theo dự kiến tại Điều 3 dự thảo Nghị quyết, cơ quan chủ trì soạn thảo dự kiến tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định phân cấp thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và kinh phí thực hiện cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng (*sau đây gọi tắt là phân cấp thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ, kinh phí cải tạo, xây dựng công trình*) cho người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Về cơ bản, Sở Tư pháp đồng thuận với dự kiến của cơ quan chủ trì soạn thảo. Tuy nhiên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh vấn đề sau đây để Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định: Theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Luật Tổ chức chính quyền địa phương, cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương **được quyền phân cấp cho chính quyền địa phương hoặc cơ quan nhà nước cấp dưới**. Như vậy, với quy định này, cơ quan phân cấp phải phân cấp cho chính quyền địa phương hoặc cơ quan cấp dưới mà không phân cấp cho người đứng đầu chính quyền địa phương, người đứng đầu cơ quan nhà nước cấp dưới. Bên cạnh đó, xét về cấp hành chính, cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh không là cấp dưới của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (*cùng là cấp tỉnh*). Vì vậy, quy định tại Điều 3 dự thảo Nghị quyết chưa đáp ứng đầy đủ quy định về phân cấp được quy định tại khoản 1 Điều 13 Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

Quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 dự thảo Nghị quyết dự kiến phân cấp thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ, kinh phí cải tạo, xây dựng công trình cho người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân

⁽⁴⁾ Điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị định số 138/2024/NĐ-CP cũng quy định theo nhiệm vụ mà không quy định theo đơn vị tài sản.

cấp huyện là chưa phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 13 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015. Vì vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định đối với nội dung quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 dự thảo Nghị quyết.

3.6. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét, biên tập lại khoản 2 Điều 3 dự thảo cho cụ thể, ngắn gọn, rõ nghĩa. Có thể xem xét, biên tập theo hướng sau: "*...của cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp huyện và các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc, trực thuộc cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp huyện*".

3.6. Tại phần Nơi nhận xem xét biên tập lại như sau: "*Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính; Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật - Bộ Tư pháp*" cho chính xác và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 121 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật⁽⁵⁾.

3.7. Theo dự kiến tại khoản 2 Điều 4 dự thảo, Nghị quyết định có hiệu lực từ ngày ký ban hành. Nghị quyết được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh cho phép xây dựng, ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn thì có thể có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc ký chứng thực. Như vậy, quy định trên là không trái với quy định tại khoản 2 Điều 151 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Tuy nhiên, để đảm bảo phù hợp với quy định tại Điều 74 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, vẫn cần phải xác định cụ thể ngày, tháng, năm có hiệu lực thi hành của văn bản. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo phối hợp Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi thời điểm văn bản được Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh theo dõi thời điểm văn bản được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua hoặc thời điểm Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh ký chứng thực để xác định cụ thể ngày, tháng, năm có hiệu lực của văn bản cho phù hợp.

3.8. Đối với việc dự kiến thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí mua sắm tài sản, trang thiết bị; thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ, kinh phí cải tạo, xây dựng công trình, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo căn cứ vào yêu cầu công tác, khả năng thực hiện và tình hình cụ thể của địa phương để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định (*Sở Tư pháp không thẩm định đối với nội dung này*).

4. Ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản

Sở Tư pháp nhận thấy, về cơ bản dự thảo Nghị quyết đã được trình bày đúng quy định về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Chương V Nghị định số 34/2016/NĐ-CP⁽⁶⁾; Mẫu số 16 của Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ.

⁽⁵⁾ Đã được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 25 Điều 1 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

⁽⁶⁾ Đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP và Nghị định số 59/2024/NĐ-CP.

5. Trình tự, thủ tục xây dựng văn bản

Dự thảo Nghị quyết được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định xây dựng theo trình tự, thủ tục rút gọn. Cơ quan chủ trì soạn thảo đã tổ chức lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan đối với dự thảo Nghị quyết theo quy định tại Điều 148 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật⁽⁷⁾.

6. Điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh

Sở Tư pháp nhận thấy, dự thảo Nghị quyết đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định sau khi cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, chỉnh lý một số nội dung được Sở Tư pháp nêu tại trong Báo cáo này. Hồ sơ dự thảo Nghị quyết trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 149 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật⁽⁸⁾.

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo khi tiếp nhận Báo cáo thẩm định thực hiện việc tiếp thu ý kiến thẩm định để chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Quyết định hoặc giải trình (*trong trường hợp không tiếp thu ý kiến thẩm định*). Khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, đồng thời gửi báo cáo giải trình, tiếp thu kèm theo dự thảo Nghị quyết đã được chỉnh lý đến Sở Tư pháp để theo dõi theo quy định tại Điều 121 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật⁽⁹⁾. Trong quá trình chỉnh lý, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo phối hợp chặt chẽ Sở Tư pháp để tiếp tục tham gia ý kiến, đảm bảo chất lượng của dự thảo khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

Trên đây là Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: *"Quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện mua sắm tài sản, trang thiết bị và quy định phân cấp thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và kinh phí thực hiện cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng của cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kon Tum"*. Kính gửi Sở Tài chính theo đề nghị./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- Lãnh đạo Sở;
- Văn phòng Sở;
- Lưu VT, XDKTr&PBPL/STP.

GIÁM ĐỐC

Trần Minh Thắng

⁽⁷⁾ Đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 46 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

⁽⁸⁾ Đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 47 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020.

⁽⁹⁾ Đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 36 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.